

Phụ lục

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC CÁC CỤC, VỤ, ĐƠN VỊ CỦA TTCP NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-TTCP ngày tháng năm 2022 của Thanh tra Chính phủ)

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là Tổ rà soát trừ điểm

Phần chữ in thường là đơn vị tự trừ điểm

STT	ĐƠN VỊ	ĐIỂM ĐƠN VỊ TỰ CHẤM	ĐIỂM THẨM ĐỊNH LẠI	ĐIỂM BỊ TRỪ		GHI CHÚ	
				Tổng	Chi tiết		
1	TRƯỜNG CÁN BỘ THANH TRA	48,5	48,5	1,5	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
2	BAN TIẾP CÔNG DÂN TRUNG ƯƠNG	49.5	47	4,5	0,5	2.1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật trong năm giao cho đơn vị	không được giao nhiệm vụ nên không được điểm thưởng - đơn vị tự chấm 2,5đ
					0,5	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	không được giao nhiệm vụ nên không được điểm thưởng - đơn vị tự chấm 2,5đ
					0,5	3.2. Phối hợp với Văn phòng và các đơn vị khác có liên quan xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định	không có PAKN phối hợp với Văn phòng nên không được điểm thưởng- đơn vị tự chấm 2,5đ
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số
3	VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ	48,5	46,5	3,5	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					2	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	đạt từ 50 đến dưới 80%

4	VỤ I	49	44,5	6,5	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không được Hội đồng thẩm định chấp nhận
					0,5	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	không được giao nhiệm vụ nên không có điểm thưởng - đơn vị tự chấm 2,5đ
					0,5	3.2. Phối hợp với Văn phòng và các đơn vị khác có liên quan xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định	không có PAKN phối hợp với Văn phòng nên không được điểm thưởng- đơn vị tự chấm 2,5đ
					1	5.2. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức, người lao động	có 1 đồng chí bị kỷ luật
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

4	CỤC II	47	44,5	5,5	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	đạt dưới 50%

4	TRUNG TÂM THÔNG TIN	45,5	44,5	5,5	1	1.2.3. Báo cáo kết quả chấm điểm CCHC	báo cáo gửi chậm
					1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					2	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	đạt từ 50% dưới 80%

5	Vụ KH-TH	47	44,25	5,75	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không được Hội đồng thẩm định chấp nhận
					0,25	1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm	chưa xác định và phân công rõ trách nhiệm thực hiện, tiến độ thời gian
					1	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành từ 80 đến dưới 100%
					1	2.6. Tham mưu tăng thêm số đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ chi thường xuyên trong năm	không phát sinh
					2	2.10. Tham mưu tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập năm hiện hành so với năm trước	đạt dưới 10%

6	VĂN PHÒNG	44,5	44	7	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					2	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	đạt từ 50 đến dưới 80%
					2	1.3. Báo cáo kết quả thực hiện KSTTHC	báo cáo gửi chậm
					0,5	1.5. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN hành năm	đạt dưới 100%

7	VIỆN CL&KHTT	47	43,25	6,75	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không được Hội đồng thẩm định chấp nhận
					0,25	1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm	chưa xác định và phân công rõ trách nhiệm thực hiện, tiến độ thời gian
					1	2.2. Xây dựng Quy chế làm việc của đơn vị	không xây dựng
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số
					1	7.4. Thực hiện việc duy trì, áp dụng ISO 9001:2015 theo quy định	không áp dụng

8	VỤ GSTĐ&XLSTT	44,5	43	7,5	0,5	1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm	đơn vị tự đánh giá
					1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1,5	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 3/4 nhiệm vụ, tỷ lệ 75%
					0,5	2.1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật trong năm giao cho đơn vị	không được giao nhiệm vụ nên không được điểm thưởng- đơn vị tự chấm 2,5đ
					1	5.2. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức, người lao động	có 1 đồng chí bị kỷ luật
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

8	VỤ PHÁP CHẾ	48,5	43	7	2	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 0/6 nhiệm vụ
					1	2.1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật trong năm giao cho đơn vị	hoàn thành 4/5 nhiệm vụ, tỷ lệ 80%
					1	3.2. Phối hợp với Văn phòng và các đơn vị khác có liên quan xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định	không trả lời đúng hạn
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

9	VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ	46	42,5	7,5	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1	2.1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật trong năm giao cho đơn vị	hoàn thành từ 80 đến dưới 100%
					2	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 0/2 nhiệm vụ
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

10	VỤ II	48,5	41,5	9	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không được Hội đồng thẩm định chấp nhận
					1	1.1.1 Ban hành Kế hoạch CCHC năm	ban hành chậm (21/01/2021)
					2,5	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 0/2 nhiệm vụ, đơn vị tự chấm 2,5 điểm
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	đạt dưới 50%

10	CỤC III	47,5	41,5	9	1	1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm	ban hành chậm (06/01/2021)
					1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1	1.2.1 Số lượng Báo cáo CCHC	không có báo cáo quý I/2021
					2,5	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 0/7 nhiệm vụ, đơn vị tự chấm 2,5 điểm
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

10	VỤ III	47	41,5	8,5	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không được Hội đồng thẩm định chấp nhận
					2	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 1/4 nhiệm vụ năm 2021, tỷ lệ dưới 25%
					2	6.4. Ban hành Báo cáo kết quả thanh tra	có 1 đoàn thanh tra chưa trình dự thảo báo cáo kết quả thanh tra
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

11	TẠP CHÍ THANH TRA	43,5	40,5	9,5	1	1.1.2. Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	không có báo cáo năm
					1	1.2.1 Số lượng Báo cáo CCHC	không có báo cáo năm
					1	1.2.2 Nội dung và thời gian báo cáo	không có báo cáo năm
					1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					1	7.1. Tỷ lệ công chức, viên chức sử dụng thường xuyên phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	đạt dưới 100%
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

12	CỤC IV	47	40	10	1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không được Hội đồng thẩm định chấp nhận
					1	1.2.1. Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu)	thiếu báo cáo CCHC quý I/2021
					1	1.2.2. Nội dung và thời gian báo cáo (báo cáo quý gửi trước ngày 18 của tháng cuối cùng của quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 18 tháng 6 và báo cáo năm gửi trước ngày 16 tháng 12 hàng năm)	thiếu báo cáo CCHC quý I; báo cáo quý III và báo cáo năm 2021 gửi chậm
					1	1.2.3 Báo cáo kết quả chấm điểm cải cách hành chính của đơn vị (gửi trước 20 tháng 12 hàng năm).	báo cáo gửi chậm (21/12/2021)
					2	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 2/5 nhiệm vụ năm 2021, tỷ lệ 40%
					0,5	2.1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật trong năm giao cho đơn vị	chuyển 2 nhiệm vụ sang năm 2022
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số

12	BÁO THANH TRA	46	40	10	1	1.1.1. Ban hành kế hoạch CCHC năm	ban hành chậm (05/01/2021)
					1	1.2.2. Nội dung và thời gian báo cáo (báo cáo quý gửi trước ngày 18 của tháng cuối cùng của quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 18 tháng 6 và báo cáo năm gửi trước ngày 16 tháng 12 hàng năm)	báo cáo năm gửi chậm (24/12/2021)
					1	1.2.3 Báo cáo kết quả chấm điểm cải cách hành chính của đơn vị (gửi trước 20 tháng 12 hàng năm).	báo cáo gửi chậm (23/12/2021)
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					2	13.4. Ban hành các văn bản hướng dẫn về chế độ, chính sách khi có văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành	không ban hành
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số
					1	7.4. Thực hiện việc duy trì, áp dụng ISO 9001:2015 theo quy định	không áp dụng

13	CỤC I	45	37,5	12,5	1	1.2.3 Báo cáo kết quả chấm điểm cải cách hành chính của đơn vị (gửi trước 20 tháng 12 hàng năm).	báo cáo gửi chậm (22/12/2021)
					1,5	1.4. Sáng kiến CCHC	không có
					1,5	1.5. Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	hoàn thành 2/3 nhiệm vụ, tỷ lệ 67%
					1	4.2. Quy định rõ chức năng nhiệm vụ cho từng phòng, ban (tổ/nhóm) hoặc phân công công việc cho từng công chức, viên chức của đơn vị trong năm	không có văn bản phân công cụ thể ban hành tháng 1/2021
					0,5	7.1. Tỷ lệ công chức, viên chức sử dụng thường xuyên phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	đạt từ 80 đến dưới 100%
					3	7.3. Tỷ lệ văn bản phát hành dưới dạng điện tử, áp dụng chữ ký số	không sử dụng chữ ký số
					2	6.4. Ban hành Báo cáo kết quả thanh tra	có 1 đoàn thanh tra chưa có Báo cáo kết quả thanh tra/3đoàn thanh tra (1 đoàn đang triển khai trực tiếp, 1 đoàn vừa kết thúc), đạt tỷ lệ 66%
					2	6.5. Ban hành Kết luận thanh tra theo quy định	có 1 đoàn thanh tra chưa có Kết luận thanh tra /3đoàn thanh tra (1 đoàn đang triển khai trực tiếp, 1 đoàn vừa kết thúc), đạt tỷ lệ 66%